

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày: 01-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thùy Linh** – Thẩm phán sơ cấp, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Văn Diêng** và ông **Đỗ Quốc Kỳ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thành Đạt** – Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuần** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị T**; Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1958; CCCD số: 035158008814;

Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình**;

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 7/10 Nghề nghiệp: Hưu trí;

Họ tên bố: **Trần Doãn K** (đã chết); Họ tên mẹ: **Trần Thị T1** (đã chết);

Chồng: Không; có 01 con sinh năm 1987;

Gia đình bị can có 6 chị em, bị can là con thứ tư trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/11/2023 đến ngày 01/12/2023;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng:**

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1975

Nơi cư trú: **Xóm M, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình**;

2. Anh **Bùi Văn K1**, sinh năm 1982

Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình**;

3. Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình**;

4. Chị **Bùi Thị P (Bùi Thị T2)**, sinh năm 1979
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
5. Anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1976
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
6. Chị **Bùi Thị S**, sinh năm 1972
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
7. Chị **Bùi Thị C**, sinh năm 1968
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
8. Chị **Bùi Thị P1**, sinh năm 1975
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
9. Anh **Bùi Văn C1**, sinh năm 1995
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
10. Chị **Bùi Thị T3**, sinh năm 1976
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
11. Chị **Bùi Thị Đ**, sinh năm 1971
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
12. Chị **Bùi Thị N1**, sinh năm 1992
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
13. Chị **Bùi Thị G**, sinh năm 1961
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
14. Anh **Bùi Văn P2**, sinh năm 1970
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
15. Anh **Bùi Văn H1**, sinh năm 1976
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
16. Chị **Bùi Thị T4**, sinh năm 1993
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
17. Chị **Quách Thị T5**, sinh năm 1982
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
18. Chị **Bùi Thị T6**, sinh năm 1985
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
19. Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1993
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
20. Chị **Lò Thị T7**, sinh năm 1991
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
21. Anh **Bùi Văn L1**, sinh năm 1973
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
22. Chị **Bùi Thị T8**, sinh năm 1978
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
23. Anh **Bùi Văn N2**, sinh năm 1994
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
24. Chị **Bùi Thị C2**, sinh năm 1986
Nơi cư trú: **Xóm M, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**

25. Chị **Bùi Thị N3**, sinh năm 1985
Nơi cư trú: **Xóm M, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
26. Chị **Bùi Thị N4**, sinh năm 1993
Nơi cư trú: **Xóm B, xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
27. Bà **Bùi Thị C3**, sinh năm 1963
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
28. Chị **Bùi Thị A**, sinh năm 1976
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
29. Anh **Bùi Văn D1**, sinh năm 1982
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
30. Anh **Bùi Văn L2**, sinh năm 1984
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
31. Chị **Bùi Thị T9**, sinh năm 1973
Nơi cư trú: **Xóm M, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
32. Anh **Bùi Văn S1**, sinh năm 1982
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
33. Anh **Bùi Văn D2**, sinh năm 1987
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
34. Chị **Bùi Thị N5**, sinh năm 1992
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
35. Anh **Bùi Duy H2**, sinh năm 1979
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
36. Anh **Bùi Thị O**, sinh năm 1973
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
37. Chị **Bùi Thị N6**, sinh năm 1973
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
38. Chị **Bùi Thị T10**, sinh năm 1970
Nơi cư trú: **Xóm M, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
39. Chị **Bùi Thị T11**, sinh năm 2000
Nơi cư trú: **Xóm M, xã N, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
40. Chị **Bùi Thị T12**, sinh năm 1972
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
41. Anh **Vũ Văn N7**, sinh năm 1990
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
42. Chị **Bùi Thị Đ1**, sinh năm 1974
Nơi cư trú: **Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
43. Chị **Bùi Thị N8**, sinh năm 1976
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
44. Chị **Bùi Thị M**, sinh năm 1977
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**
45. Chị **Bùi Thị N9**, sinh năm 1981
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình;**

46. Chị **Bùi Thị N10**, sinh năm 1972
Nơi cư trú: **Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình**;
(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T sử dụng tiền cá nhân thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính để lấy tiền tiêu dùng. Khi cho vay tiền, **T** yêu cầu những người vay tự viết vào sổ với nội dung gồm ngày vay, số tiền vay, lãi suất và thời hạn vay. Tùy từng trường hợp **T** sẽ yêu cầu người vay để lại giấy tờ làm tin như Chứng minh thư nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lãi suất theo thỏa thuận là 3000đ/1 triệu/ngày tương ứng với mức lãi suất 109,5% vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS) là 5,48 lần. Trên thực tế việc thanh toán tiền lãi, tiền gốc giữa **T** và những người vay thường không đúng với thời hạn mà người vay ghi trong sổ do đó khi nào người vay thanh toán thì **T** sẽ tính lãi tương ứng với số ngày đã vay thực tế, đối với khoản vay đã kết thúc **T** sẽ gạch chéo. Căn cứ vào việc **T** tính lãi (tính trội hơn hoặc tính giảm đi so với lãi suất thỏa thuận) nên mức lãi suất mà **T** cho vay dao động từ 100,14%/năm đến 147,59%/năm tương ứng gấp từ 5,01 lần đến 7,38 lần lãi suất pháp luật quy định. Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến ngày 23/11/2023, **Trần Thị T** đã cho nhiều người trong và ngoài địa bàn **xã H, huyện C** vay tiền với lãi suất cao trong đó có 46 người vay đủ căn cứ để xử lý. Cụ thể những người vay như sau:

1. Người vay thứ 1: **Bùi Thị H**

Từ ngày 19/10/2023 đến ngày 19/11/2023 (31 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi **H** đã trả cho **T** là 465.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 84.932đ$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $465.000 - 84.932 = 380.068đ$.

Chị **H** đã trả tiền gốc cho **T**.

2. Người vay thứ 2: **Bùi Văn K1**

Từ ngày 13/3/2023 đến ngày 27/4/2023 (45 ngày), vay số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi **K1** đã trả cho **T** là 1.350.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $10.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 45 \text{ ngày} = 246.575đ$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $1.350.000 - 246.575 = 1.103.425đ$.

Anh **K1** đã trả tiền gốc cho **T**.

3. Người vay thứ 3: **Bùi Thị N**

Từ ngày 30/6/2023 đến ngày 31/7/2023 (31 ngày), vay số tiền **2.500.000đ** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi **N** đã trả cho **T** là 232.500đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS năm 2015 là: $2.500.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 42.466 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $232.500 - 42.466 = 190.034đ$.

Chị **N** đã trả tiền gốc cho **T**.

4. Người vay thứ 4: Bùi Thị P (Bùi Thị T2)

Vay 8 lần với tổng số tiền là **52.500.000đ** (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là 721.645 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **3.276.355 đồng**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 26/11/2022 đến ngày 26/12/2022 (30 ngày), vay số tiền **6.000.000đ** (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi bà **P** đã trả cho **T** là 588.000đ tương ứng mức lãi suất 119,23% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $119,23\% : 20\% = 5,96$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $6.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 98.630 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $588.000 - 98.630 = 489.370đ$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 23/5/2023 đến ngày 22/6/2023 (30 ngày), vay số tiền **6.000.000đ** (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi bà **P** đã trả cho **T** là 540.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $6.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 98.630 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $540.000 - 98.630 = 441.370đ$.

- Lần thứ ba: Từ ngày 30/6/2023 đến ngày 10/7/2023 (10 ngày), vay số tiền **6.000.000đ** (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi bà **P** đã trả cho **T** là 180.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $6.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 32.877 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $180.000 - 32.877 = 147.123đ$.

- Lần thứ tư: Từ ngày 11/7/2023 đến ngày 29/7/2023 (18 ngày), vay số tiền **4.500.000đ** (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi bà **P** đã trả cho **T** là 243.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $4.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 18 \text{ ngày} = 44.384 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $243.000 - 44.384 = 198.616đ$.

- Lần thứ năm: Từ ngày 24/7/2023 đến ngày 21/8/2023 (28 ngày), vay số tiền **8.000.000đ** (Tám triệu đồng). Số tiền lãi bà **P** đã trả cho **T** là 672.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $8.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 122.740$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $672.000 - 122.740 = 549.260\text{đ}$.

- Lần thứ sáu: Từ ngày 06/9/2023 đến ngày 06/10/2023 (30 ngày), vay số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi bà **P** đã trả cho **T** là 900.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $10.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 164.384$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $900.000 - 164.384 = 735.616\text{đ}$.

- Lần thứ bảy: Từ ngày 06/10/2023 đến ngày 06/11/2023 (31 ngày), vay số tiền **7.000.000đ** (Bảy triệu đồng). Số tiền lãi bà **P** đã trả cho **T** là 650.000đ tương ứng mức lãi suất 109,33% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,33\% : 20\% = 5,47$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $7.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 118.904$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $650.000 - 118.904 = 531.096\text{đ}$.

- Lần thứ tám: Từ ngày 06/11/2023 đến ngày 21/11/2023 (15 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi bà **P** đã trả cho **T** là 225.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} = 41.096$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $225.000 - 41.096 = 183.904\text{đ}$.

Chị **P** đã trả tiền gốc tất cả các lần vay cho **T**.

5. Người vay thứ 5: Bùi Văn D

Vay 2 lần với tổng số tiền là **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 45.480 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **229.520đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 22/6/2023 đến ngày 17/7/2023 (25 ngày), vay số tiền **1.000.000đ** (Một triệu đồng). Số tiền lãi **D** đã trả cho **T** là 75.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày} = 13.699$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $75.000 - 13.699 = 61.301\text{đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 05/8/2023 đến ngày 02/10/2023 (58 ngày), vay số tiền **1.000.000đ** (Một triệu đồng). Số tiền lãi **D** đã trả cho **T** là 200.000đ tương ứng

mức lãi suất 125,86% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $125,86\% : 20\% = 6,29$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 58 \text{ ngày} = 31.781$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $200.000 - 31.781 = 168.219$ đồng.

Anh **D** đã trả tiền gốc các lần vay cho **T**.

6. Người vay thứ 6: Bùi Thị S

Từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/7/2023 (61 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi **S** đã trả cho **T** là 366.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 61 \text{ ngày} = 66.849$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $366.000 - 66.849 = 299.151đ$.

Chị **S** đã trả tiền gốc cho **T**.

7. Người vay thứ 7: Bùi Thị C

Vay 2 lần với tổng số tiền là **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 46.575 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **208.425đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 12/5/2023 đến ngày 12/6/2023 (31 ngày), vay số tiền **1.500.000đ** (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi **C** đã trả cho **T** là 139.500đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 25.479$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $139.500 - 25.479 = 114.021đ$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 12/8/2023 đến ngày 23/8/2023 (11 ngày), vay số tiền **3.500.000đ** (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi **C** đã trả cho **T** là 115.500đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $3.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 11 \text{ ngày} = 21.096$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $115.500 - 21.096 = 94.404đ$.

Chị **C** đã trả tiền gốc các lần vay cho **T**.

8. Người vay thứ 8: Bùi Thị P1

Từ ngày 01/8/2023 đến ngày 30/8/2023 (29 ngày), vay số tiền **1.000.000đ** (Một triệu đồng). Số tiền lãi bà **P1** đã trả cho **T** là 87.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 29 \text{ ngày} = 15.890$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $87.000 - 15.890 = 71.110đ$.

Chị **P1** đã trả tiền gốc cho **T**.

9. Người vay thứ 9: Bùi Văn C1

Vay 4 lần với tổng số tiền là **24.000.000đ** (Hai mươi tư triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 475.890 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **2.129.110đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 16/12/2022 (45 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi **C1** đã trả cho **T** là 675.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 45 \text{ ngày} = 123.288$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $675.000 - 123.288 = \mathbf{551.712đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 13/7/2023 đến ngày 25/7/2023 (12 ngày), vay số tiền **2.500.000đ** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi **C1** đã trả cho **T** là 90.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 12 \text{ ngày} = 16.438$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $90.000 - 16.438 = \mathbf{73.562đ}$.

- Lần thứ ba: Từ ngày 25/7/2023 đến ngày 02/9/2023 (39 ngày), vay số tiền **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi **C1** đã trả cho **T** là 1.755.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $15.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 39 \text{ ngày} = 320.548$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $1.755.000 - 320.548 = \mathbf{1.434.452đ}$.

- Lần thứ tư: Từ ngày 14/8/2023 đến ngày 02/9/2023 (19 ngày), vay số tiền **1.500.000đ** (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi **C1** đã trả cho **T** là 85.000đ, tương ứng mức lãi suất 108,86% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $108,86\% : 20\% = 5,44$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 15.616$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $85.000 - 15.616 = \mathbf{69.384đ}$.

Anh **C1** đã trả tiền gốc tất cả các lần vay cho **T**.

10. Người vay thứ 10: Bùi Thị T3

Vay 2 lần với tổng số tiền là **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 95.891 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **438.109đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 21/6/2023 đến ngày 07/7/2023 (16 ngày), vay số tiền **7.000.000đ** (Bảy triệu đồng). Số tiền lãi **T3** đã trả cho **T** là 336.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất

cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $7.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 16 \text{ ngày} = 61.370$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $336.000 - 61.370 = 274.630\text{đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 19/7/2023 đến ngày 09/8/2023 (21 ngày), vay số tiền **3.000.000đ** (Ba triệu đồng). Số tiền lãi bà **T3** đã trả cho **T** là 198.000đ, tương ứng mức lãi suất 114,71% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $114,71\% : 20\% = 5,74$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $3.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày} = 34.521$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $198.000 - 34.521 = 163.479\text{đ}$.

Chị **T3** đã trả tiền gốc các lần vay cho **T**.

11. Người vay thứ 11: Bùi Thị Đặng

Vay 3 lần với tổng số tiền là **9.000.000đ** (Chín triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 84.932 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **380.068đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 24/5/2023 đến ngày 02/6/2023 (9 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi bà **D** đã trả cho **T** là 135.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 24.658$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $135.000 - 24.658 = 110.342\text{đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/7/2023 (30 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi bà **D** đã trả cho **T** là 180.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 32.877$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $180.000 - 32.877 = 147.123\text{đ}$.

- Lần thứ ba: Từ ngày 29/9/2023 đến ngày 24/10/2023 (25 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi bà **D** đã trả cho **T** là 150.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày} = 27.397$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $150.000 - 27.397 = 122.603\text{đ}$.

Chị **D** đã trả tiền gốc tất cả các lần vay cho **T**.

12. Người vay thứ 12: Bùi Thị Nhự

Từ ngày 18/01/2023 đến ngày 11/02/2023 (24 ngày), vay số tiền **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi chị **N1** đã trả cho **T** là 1.080.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất

cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $15.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 197.260$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $1.080.000 - 197.260 = \mathbf{882.740đ}$.

Chị **N1** đã trả tiền gốc cho **T**.

13. Người vay thứ 13: Bùi Thị Gái

Từ ngày 18/5/2023 đến ngày 21/5/2023 (3 ngày), vay số tiền **40.000.000đ** (Bốn mươi triệu đồng). Số tiền lãi bà **G** đã trả cho **T** là 360.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $40.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 3 \text{ ngày} = 65.753$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $360.000 - 65.753 = \mathbf{294.247đ}$.

Chị **G** đã trả tiền gốc cho **T**.

14. Người vay thứ 14: Bùi Văn Phóng

Vay 3 lần với tổng số tiền là **10.500.000đ** (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 283.287 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **1.267.713đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 24/7/2023 đến ngày 24/10/2023 (92 ngày), vay số tiền **4.000.000đ** (Bốn triệu đồng). Số tiền lãi ông **P2** đã trả cho **T** là 1.104.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $4.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 92 \text{ ngày} = 201.644$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $1.104.000 - 201.644 = \mathbf{902.356đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 07/8/2023 đến ngày 04/9/2023 (28 ngày), vay số tiền **1.000.000đ** (Một triệu đồng). Số tiền lãi ông **P2** đã trả cho **T** là 84.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 15.342$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $84.000 - 15.342 = \mathbf{68.658đ}$.

- Lần thứ ba: Từ ngày 26/9/2023 đến ngày 18/10/2023 (22 ngày), vay số tiền **5.500.000đ** (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi ông **P2** đã trả cho **T** là 363.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày} = 66.301$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $363.000 - 66.301 = \mathbf{296.699đ}$.

Anh **P2** đã trả tiền gốc các lần vay cho **T**.

15. Người vay thứ 15: Bùi Văn H1

Vay 3 lần với tổng số tiền là **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 - BLDS là: 150.685 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **664.315đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/3/2023 (90 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi ông **H1** đã trả cho **T** là 540.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = 98.630$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $540.000 - 98.630 = \mathbf{441.370đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 26/6/2023 đến ngày 24/7/2023 (28 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi ông **H1** đã trả cho **T** là 168.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 30.685$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $168.000 - 30.685 = \mathbf{137.315đ}$.

- Lần thứ ba: Từ ngày 12/9/2023 đến ngày 21/10/2023 (39 ngày), vay số tiền **1.000.000đ** (Một triệu đồng). Số tiền lãi ông **H1** đã trả cho **T** là 107.000đ, tương ứng mức lãi suất 100,14% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $100,14\% : 20\% = 5,01$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 39 \text{ ngày} = 21.370$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $107.000 - 21.370 = \mathbf{85.630đ}$.

Anh **H1** đã trả tiền gốc các lần vay cho **T**.

16. Người vay thứ 16: Bùi Thị T4

Vay 2 lần với tổng số tiền là **125.000.000đ** (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 589.041 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **2.635.959đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 22/9/2023 (4 ngày), vay số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi chị **T4** đã trả cho **T** là 120.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $10.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 4 \text{ ngày} = 21.918$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $120.000 - 21.918 = \mathbf{98.082đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 12/11/2023 đến ngày 21/11/2023 (9 ngày), vay số tiền **115.000.000đ** (Một trăm mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi chị **T4** đã trả cho **T** là 3.105.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất

quy định tại điều 468 BLDS là: $115.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 567.123$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $3.105.000 - 567.123 = 2.537.877\text{đ}$.

Chị **T4** đã trả tiền gốc các lần vay cho **T**.

17. Người vay thứ 17: Quách Thị Thao

Từ ngày 24/10/2023 đến ngày 17/11/2023 (24 ngày), vay số tiền **4.000.000đ** (Bốn triệu đồng). Số tiền lãi chị **T5** đã trả cho **T** là 288.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $4.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 52.603$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $288.000 - 52.603 = 235.397\text{đ}$.

Chị **T5** đã trả tiền gốc cho **T**.

18. Người vay thứ 18: Bùi Thị T6

Vay 4 lần với tổng số tiền là **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 78.355 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **350.645đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 08/01/2023 đến ngày 20/01/2023 (12 ngày), vay số tiền **4.000.000đ** (Bốn triệu đồng). Số tiền lãi chị **T6** đã trả cho **T** là 144.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $4.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 12 \text{ ngày} = 26.301$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $144.000 - 26.301 = 117.699\text{đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 04/5/2023 đến ngày 14/5/2023 (10 ngày), vay số tiền **1.000.000đ** (Một triệu đồng). Số tiền lãi chị **T6** đã trả cho **T** là 30.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 5.479$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $30.000 - 5.479 = 24.521\text{đ}$.

- Lần thứ ba: Từ ngày 14/5/2023 đến ngày 31/5/2023 (17 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi chị **T6** đã trả cho **T** là 102.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 17 \text{ ngày} = 18.630$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $102.000 - 18.630 = 83.370\text{đ}$.

- Lần thứ tư: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 18/6/2023 (17 ngày), vay số tiền **3.000.000đ** (Ba triệu đồng). Số tiền lãi chị **T6** đã trả cho **T** là 153.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468

BLDS là: $3.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 17 \text{ ngày} = 27.945 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $153.000 - 27.945 = 125.055\text{đ}$.

Chị **T6** đã trả tiền gốc các lần vay cho **T**.

19. Người vay thứ 19: Bùi Văn L

Từ ngày 13/10/2023 đến ngày 28/10/2023 (15 ngày), vay số tiền **3.500.000đ** (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi anh **L** đã trả cho **T** là 157.500đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $3.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} = 28.767 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $157.500 - 28.767 = 128.733\text{đ}$.

Anh **L3** đã trả tiền gốc cho **T**.

20. Người vay thứ 20: Lò Thị Thắm

Từ ngày 21/11/2022 đến ngày 24/12/2022 (33 ngày), vay số tiền **8.000.000đ** (Tám triệu đồng). Số tiền lãi chị **T7** đã trả cho **T** là 792.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $8.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 33 \text{ ngày} = 144.658 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $792.000 - 144.658 = 647.342\text{đ}$.

Chị **T7** đã trả tiền gốc cho **T**.

21. Người vay thứ 21: Bùi Văn L1

Từ ngày 04/5/2023 đến ngày 04/11/2023 (184 ngày), vay số tiền **6.000.000đ** (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi ông **L1** đã trả cho **T** là 3.312.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $6.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 184 \text{ ngày} = 604.932 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $3.312.000 - 604.932 = 2.707.068\text{đ}$.

Anh **L1** đã trả tiền gốc cho **T**.

22. Người vay thứ 22: Bùi Thị Thúy

Từ ngày 19/01/2023 đến ngày 17/5/2023 (118 ngày), vay số tiền **20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng). Số tiền lãi chị **T8** đã trả cho **T** là 7.080.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $20.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 118 \text{ ngày} = 1.293.151 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $7.080.000 - 1.293.151 = 5.786.849\text{đ}$.

Chị **T8** đã trả tiền gốc cho **T**.

23. Người vay thứ 23: Bùi Văn N2

Từ ngày 28/9/2023 đến ngày 30/10/2023 (32 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi anh **N2** đã trả cho **T** là 180.000đ, tương ứng mức lãi

suất 102,66% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $102,66\% : 20\% = 5,13$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày} = 35.068$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $180.000 - 35.068 = 144.932\text{đ}$.

Anh **N2** đã trả tiền gốc cho **T**.

24. Người vay thứ 24: Bùi Thị Chuyên

Từ ngày 10/7/2023 đến ngày 09/10/2023 (91 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi chị **C2** đã trả cho **T** là 1.365.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 91 \text{ ngày} = 249.315$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $1.365.000 - 249.315 = 1.115.685\text{đ}$.

Chị **C2** đã trả tiền gốc cho **T**.

25. Người vay thứ 25: Bùi Thị N3

Vay 2 lần với tổng số tiền là **25.000.000đ** (Hai mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 232.876 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **1.042.124 đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 10/7/2023 đến ngày 09/10/2023 (23 ngày), vay số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi chị **N3** đã trả cho **T** là 690.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $10.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 23 \text{ ngày} = 126.027$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $690.000 - 126.027 = 563.973\text{đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 02/8/2023 đến ngày 15/8/2023 (13 ngày), vay số tiền **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi chị **N3** đã trả cho **T** là 585.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $15.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày} = 106.849$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $585.000 - 106.849 = 478.151\text{đ}$.

Chị **N3** đã trả tiền gốc các lần vay cho **T**.

26. Người vay thứ 26: Bùi Thị N4

Từ ngày 22/12/2022 đến ngày 26/6/2023 (186 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi chị **N4** đã trả cho **T** là 2.790.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là:

$5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 186 \text{ ngày} = 509.589 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $2.790.000 - 509.589 = \mathbf{2.280.411\text{đ}}$.

Chị **N4** đã trả tiền gốc cho **T**.

27. Người vay thứ 27: Bùi Thị Cúc

Từ ngày 19/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (4 ngày), vay số tiền **1.300.000đ** (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền lãi **C3** sẽ phải trả cho **T** là 15.600đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.300.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 4 \text{ ngày} = 2.849 \text{ đồng}$. Số tiền **T** thu lợi bất chính hướng tới là: $15.600 - 2.849 = \mathbf{12.751\text{đ}}$.

Chị **C3** đã trả tiền gốc cho **T** và không trả lãi.

28. Người vay thứ 28: Bùi Thị Á

Vay 2 lần với tổng số tiền là **7.000.000đ** (Bảy triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 12.603 đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **80.397đ**, số tiền thu lợi bất chính hướng tới là **44.137 đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 31/10/2023 đến ngày 23/11/2023 (23 ngày), vay số tiền **1.000.000đ** (Một triệu đồng). Số tiền lãi bà **Á** đã trả cho **T** là **93.000đ**, tương ứng mức lãi suất 147,59% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $147,59\% : 20\% = 7,38 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 23 \text{ ngày} = 12.603 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $93.000 - 12.603 = \mathbf{80.397\text{đ}}$.

Chị **Á** đã trả tiền gốc cho **T**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 20/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (3 ngày), vay số tiền **6.000.000đ** (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi bà **Á** sẽ phải trả cho **T** là 54.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $6.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 3 \text{ ngày} = 9.863 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: $54.000 - 9.863 = \mathbf{44.137\text{đ}}$.

Chị **Á** đã trả tiền gốc cho **T** sau ngày bị phát hiện và không trả lãi.

29. Người vay thứ 29: Bùi Văn D1

Từ ngày 30/8/2023 đến ngày 23/11/2023 (85 ngày), vay số tiền **3.000.000đ** (Ba triệu đồng). Số tiền lãi anh **D1** đã trả cho **T** là 570.000đ (61 ngày từ 30/8/2023 đến 30/10/2023) tương ứng mức lãi suất 113,69% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $113,69\% : 20\% = 5,68 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $3.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 61 \text{ ngày} = 100.274 \text{ đồng}$. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $570.000 - 100.274 = \mathbf{469.726\text{đ}}$, số tiền thu lợi bất chính hướng tới (24 ngày từ 30/10/2023 đến 23/11/2023) là **176.548đ**.

Anh D1 hiện chưa trả tiền gốc cho T.

30. Người vay thứ 30: Bùi Văn L2

Vay 2 lần với tổng số tiền là **21.000.000đ** (Hai mươi một triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: **374.795** đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: **1.625.205đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 24/8/2023 đến ngày 25/9/2023 (32 ngày), vay số tiền **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi anh **L2** đã trả cho **T** là 1.440.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $15.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 32 \text{ ngày} = 263.014$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $1.440.000 - 263.014 = \mathbf{1.176.986đ}$.

- Lần thứ hai: Từ ngày 11/10/2023 đến ngày 14/11/2023 (34 ngày), vay số tiền **6.000.000đ** (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi anh **L2** đã trả cho **T** là 560.000đ, tương ứng mức lãi suất 100,2% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $100,2\% : 20\% = 5,01$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $6.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 34 \text{ ngày} = 111.781$ đồng. Số tiền **T** đã thu lợi bất chính là: $560.000 - 111.781 = \mathbf{448.219đ}$.

Anh L2 đã trả 8.000.000đ tiền gốc cho T (không nhớ ngày trả); còn lại tiền gốc 13.000.000đ chưa trả.

31. Người vay thứ 31: Bùi Thị T9

Vay 5 lần với tổng số tiền là **38.000.000đ** (Ba mươi tám triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: **548.493** đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **2.454.507đ**, số tiền thu lợi bất chính hướng tới là **711.096đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 20/01/2023 đến ngày 13/02/2023 (24 ngày), vay số tiền **13.500.000đ** (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi chị **T9** đã trả cho bị cáo là 972.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà bị cáo được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $13.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 177.534$ đồng. Số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là: $972.000 - 177.534 = \mathbf{794.466đ}$.

Chị **T9** đã trả tiền gốc cho bị cáo.

- Lần thứ hai: Từ ngày 13/4/2023 đến ngày 09/5/2023 (26 ngày), vay số tiền **4.000.000đ** (Bốn triệu đồng). Số tiền lãi chị **T9** đã trả cho **T9** là 312.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468

BLDS là: $4.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 26 \text{ ngày} = 56.986 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $312.000 - 56.986 = \mathbf{255.014đ}$.

Chị **T9** đã trả tiền gốc cho bị cáo.

- Lần thứ ba: Từ ngày 09/5/2023 đến ngày 07/6/2023 (29 ngày), vay số tiền **9.000.000đ** (*Chín triệu đồng*). Số tiền lãi chị **T9** đã trả cho **T9** là 783.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $9.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 29 \text{ ngày} = 143.014 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $783.000 - 143.014 = \mathbf{639.986đ}$.

Chị **T9** đã trả tiền gốc cho bị cáo.

- Lần thứ 4: Từ ngày 25/7/2023 đến ngày 02/8/2023 (8 ngày), vay số tiền **1.500.000đ** (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền lãi chị **T9** đã trả cho **T9** là 36.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $1.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 8 \text{ ngày} = 6.575 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $36.000 - 6.575 = \mathbf{29.425đ}$.

Chị **T9** đã trả tiền gốc cho bị cáo.

- Lần thứ 5: Từ ngày 25/9/2023 đến ngày 23/11/2023 (59 ngày), vay số tiền **10.000.000đ** (*Mười triệu đồng*). Số tiền lãi chị **T9** đã trả cho **T9** là 900.000đ (30 ngày, từ 25/9/2023 đến 25/10/2023), tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $10.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 164.384 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $900.000 - 164.384 = \mathbf{735.616đ}$, số tiền thu lợi bất chính hướng tới (29 ngày, từ ngày 25/10/2023 đến ngày bị phát hiện 23/11/2023) là **711.096đ**.

Chị **T9** còn nợ **5.000.000đ** tiền gốc.

32. Người vay thứ 32: Bùi Văn S1

Vay 3 lần với tổng số tiền là **23.000.000đ** (*Hai mươi ba triệu đồng*). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất theo điều 468 BLDS là: 266.301đ. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **1.191.699đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 12/9/2023 đến ngày 25/9/2023 (13 ngày), vay số tiền **4.000.000đ** (*Bốn triệu đồng*). Số tiền lãi anh **S1** đã trả cho **T9** là 156.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $4.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày} = 28.493 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $156.000 - 28.493 = \mathbf{127.507đ}$.

Anh **S1** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 25/9/2023 đến ngày 08/10/2023 (13 ngày), vay số tiền **8.000.000đ** (*Tám triệu đồng*). Số tiền lãi anh **S1** đã trả cho **T9** là 312.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $8.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày} = 56.986 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $312.000 - 56.986 = \mathbf{255.014đ}$.

Anh **S1** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ ba: Từ ngày 08/10/2023 đến ngày 07/11/2023 (30 ngày), vay số tiền **11.000.000đ** (*Mười một triệu đồng*). Số tiền lãi anh **S1** đã trả cho **T9** là 990.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $11.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 180.822 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $990.000 - 180.822 = \mathbf{809.178đ}$. Đã trả 1.000.000đ tiền gốc nhưng không nhớ ngày nào.

Hiện anh S1 còn nợ T9 10.000.000đ tiền gốc.

33. Người vay thứ 33: Bùi Văn D2

Vay 2 lần với tổng số tiền là **24.581.000đ** (*Hai mươi tư triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng*). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 - BLDS năm 2015 là: **505.811 đồng**. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **2.685.189đ**; **Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: 1.694.778đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 19/3/2023 đến ngày 21/4/2023 (33 ngày), vay số tiền **15.000.000đ** (*Mười lăm triệu đồng*). Số tiền lãi anh **D2** đã trả cho **T9** là 1.890.000đ, tương ứng mức lãi suất 139,36% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $139,36\% : 20\% = 6,97$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $15.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 33 \text{ ngày} = 271.233 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $1.890.000 - 271.233 = \mathbf{1.618.767đ}$ và trả 8.000.000đ tiền gốc còn nợ lại 7.000.000đ. Từ ngày 21/4/2023 đến ngày 12/6/2023 (52 ngày), anh **D2** phải trả **T9** 1.281.000đ tiền lãi, tiền lãi **T9** sẽ được hưởng theo quy định là 199.452đ, tiền thu lợi bất chính là **1.081.548đ** nhưng thực tế Đình mới trả được 700.000đ (tương đương 33 ngày, lãi suất theo quy định mà **T9** được hưởng là 126.575đ, thu lợi bất chính là **574.425đ**) nên còn 581.000đ Đình và **T9** thỏa thuận cộng vào gốc thành 7.581.000đ. Từ 12/6/2023 đến 13/7/2023 (31 ngày), **T9** tính lãi trên khoản vay 7.581.000đ là 705.000đ (đã làm tròn), tiền lãi **T9** sẽ được hưởng theo quy định là 128.773đ, tiền thu lợi bất chính là **576.227đ** nhưng thực tế anh **D2** mới trả 600.000đ tiền lãi (tương đương 26 ngày, lãi suất theo quy định **T9** được hưởng là 108.003đ, thu lợi bất chính là **491.997đ**) còn 105.000đ tiền lãi **T9** cộng vào gốc **7.581.000đ** thành 7.686.000đ. Từ 13/7/2023 đến 22/8/2023 (40 ngày), **T9** tính lãi trên khoản vay 7.686.000đ là

731.000đ tương ứng mức lãi suất 86,79% gấp 4,34 lần (dưới 5 lần) lãi suất cao nhất theo quy định nên không xem xét. Sau đó do **T9** không ghi rõ nên không có căn cứ xác định tiền lãi **T9** đã tính với **D2**. **T9** xác nhận khoản vay này đã được thanh toán.

- Lần thứ hai: Từ ngày 04/10/2023 đến ngày 23/11/2023 (**tính đến thời điểm bị phát hiện, 50 ngày**), vay số tiền **9.000.000đ** (*Chín triệu đồng*). Số tiền lãi anh **D2** sẽ phải trả cho **T9** là 1.350.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $9.000.000 \times 20\%/365$ ngày $\times$ 50 ngày = 246.575 đồng. **Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: $1.350.000 - 246.575 = 1.103.425đ$.**

Dính chưa trả tiền gốc 9.000.000đ và lãi đối với khoản vay này cho **T9.**

34. Người vay thứ 34: **Bùi Thị N5**

Vay 3 lần với tổng số tiền là **49.000.000đ** (*Bốn mươi chín triệu đồng*). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 828.493 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **3.707.507đ**, **số tiền thu lợi bất chính hướng tới là 735.616đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 04/6/2023 đến ngày 16/7/2023 (42 ngày), vay số tiền **20.000.000đ** (*Hai mươi triệu đồng*). Số tiền lãi **N5** đã trả cho **T9** là 2.520.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $20.000.000 \times 20\%/365$ ngày $\times$ 42 ngày = 460.274 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $2.520.000 - 460.274 = 2.059.726đ$ và trả 6.000.000đ tiền gốc còn 14.000.000đ. Số tiền lãi chị **N5** đã trả **T9** là 756.000đ (18 ngày, từ 16/7/2023 đến 03/8/2023), tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $14.000.000 \times 20\%/365$ ngày $\times$ 18 ngày = 138.082 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $756.000 - 138.082 = 617.918đ$.

Chị **N5** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 04/9/2023 đến ngày 04/10/2023 (30 ngày), vay số tiền **14.000.000đ** (*Mười bốn triệu đồng*). Số tiền lãi chị **N5** đã trả cho **T9** là 1.260.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $14.000.000 \times 20\%/365$ ngày $\times$ 30 ngày = 230.137 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $1.260.000 - 230.137 = 1.029.863đ$.

Chị **N5** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ ba: Từ ngày 03/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (20 ngày), vay số tiền **15.000.000đ** (*Mười lăm triệu đồng*). Số tiền lãi chị **N5** sẽ phải trả cho **T9** là

900.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $15.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 20 \text{ ngày} = 164.384$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: $900.000 - 164.384 = 735.616\text{đ}$.

Chị N5 chưa trả gốc 15.000.000đ và lãi khoản vay này cho T9.

35. Người vay thứ 35: Bùi Duy H2

Vay 2 lần với tổng số tiền là **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 334.247 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **1.495.753đ**. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là **98.082đ**. Trong đó:

- Lần vay thứ nhất: Từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/8/2023 (122 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi ông **H2** trả cho **T9** là 1.830.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày} = 334.247$ đồng. Số tiền đã thu lợi bất chính là: $1.830.000 - 334.247 = 1.495.753\text{đ}$.

Ông **H2** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần vay thứ hai: Từ ngày 15/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (8 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi ông **H2** sẽ phải trả cho **T9** là 120.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 8 \text{ ngày} = 21.918$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: $120.000 - 21.918 = 98.082\text{đ}$.

Ông H2 chưa trả gốc 5.000.000đ và lãi khoản vay này cho T9.

36. Người vay thứ 36: Bùi Thị Oanh

Từ ngày 23/8/2023 đến ngày 01/9/2023 (9 ngày), vay số tiền **11.000.000đ** (Mười một triệu đồng). Số tiền lãi bà **O** phải trả cho **T9** là 297.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $11.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 54.247$ đồng. Số tiền nhằm thu lợi bất chính là: $297.000 - 54.247 = 242.753\text{đ}$. Thực tế bà **O** chưa trả số tiền lãi này nên **T9** cộng với số tiền gốc và số tiền vay thêm thành 13.000.000đ. Đối với khoản vay này, bà **O** và **T9** thỏa thuận không tính lãi nên không xem xét. Như vậy số tiền gốc **T9** đã cho bà **O** vay tính lãi là 11.000.000đ.

Hiện nay bà O chưa trả số tiền gốc 11.000.000đ cho T9.

37. Người vay thứ 37: Bùi Thị Núi

Từ ngày 16/11/2022 đến ngày 23/8/2023 bà **N6** vay với mức lãi suất là 3000đ/1 triệu/ngày. Do bà **N6** không có khả năng trả gốc và lãi nên **T9** và bà **N6** thỏa thuận cộng dồn lãi với gốc để tính lãi lần tiếp theo:

Từ ngày 16/11/2022 đến ngày 23/11/2022 (7 ngày), vay số tiền **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng). Số tiền lãi bà **N6** phải trả cho **T9** là 600.000đ, tương ứng mức lãi suất 104,29% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $104,29\% : 20\% = 5,21$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $30.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 7 \text{ ngày} = 115.068$ đồng. Số tiền **T9** thu lợi bất chính là: $600.000 - 115.068 = 484.932\text{đ}$. Do bà **N6** không có tiền để trả tiền gốc, tiền lãi nên **T9** đã cộng số tiền lãi 600.000đ vào khoản vay 30.000.000đ thành 30.600.000đ và bà **N6** vay thêm **5.000.000đ**. Tổng thành 35.600.000đ, đến ngày 13/01/2023 (51 ngày, 23/11/2022 đến 13/01/2023) **T9** tính lãi của khoản vay này là 5.447.000đ (tương đương mức lãi suất 109,5% vượt quá 5,48 lần lãi suất quy định) tiền lãi **T9** sẽ được hưởng theo quy định là 994.849đ, tiền thu lợi bất chính là **4.452.151đ**) nhưng bà **N6** vẫn không có tiền trả gốc và lãi nên **T9** lại cộng lãi với gốc thành 41.047.000đ và bà **N6** tiếp tục vay thêm **9.953.000đ** thành 51.000.000đ. Tương tự như vậy, đến ngày 31/01/2023 (18 ngày, từ 13/01/2023 đến 31/01/2023) **T9** tiếp tục tính lãi của khoản vay 51.000.000đ là 2.754.000đ tiền lãi (tương đương mức lãi suất 109,5% vượt quá 5,48 lần lãi suất quy định) tiền lãi **T9** sẽ được hưởng theo quy định là 503.014đ, tiền thu lợi bất chính là **2.250.986đ**, **T9** cộng gốc với lãi và bà **N6** vay thêm **6.246.000đ** thành 60.000.000đ. Đến ngày 12/02/2023 (13 ngày, từ 31/01/2023 đến 12/02/2023), **T9** tính lãi 2.260.000đ (tương đương mức lãi suất 105,76% vượt quá 5,29 lần lãi suất quy định, tiền lãi **T9** sẽ được hưởng theo quy định là 427.397đ, tiền thu lợi bất chính là **1.865.479đ**) và trừ 400.000đ tiền lãi bà **N6** đã trả trước đó (tương đương 2 ngày, lãi suất theo quy định mà **T9** được hưởng là 65.753đ, thu lợi bất chính là **334.247đ**) còn 1.860.000đ tiền lãi **T9** tiếp tục cộng vào gốc 60.000.000đ và bà **N6** vay thêm **20.000.000đ** thành 81.860.000đ. Đến ngày 19/3/2023 (35 ngày, từ 12/02/2023 đến 19/3/2023) **T9** tính lãi của khoản vay là 9.081.000đ (tương đương mức lãi suất 115.69% vượt quá 5,78 lần lãi suất quy định, tiền lãi **T9** sẽ được hưởng theo quy định là 1.569.918đ, tiền thu lợi bất chính là **7.511.082đ**), trừ đi 5.000.000đ tiền lãi bà **N6** đã trả (tương đương 20 ngày, lãi suất theo quy định mà **T9** được hưởng là 897.096đ, thu lợi bất chính là **4.102.904đ**) còn 4.081.000đ, **T9** tiếp tục cộng vào gốc và tiền bà **N6** vay thêm **4.100.000đ** thành 90.000.000đ. Đến ngày 28/3/2023 (9 ngày, từ 19/3/2023 đến 28/3/2023) **T9** tính lãi của khoản vay là 2.430.000đ (tương đương mức lãi suất 109,5% vượt quá 5,48 lần lãi suất quy định, tiền lãi **T9** sẽ được hưởng theo quy định là 443.836đ, tiền thu lợi bất chính là **1.986.164đ**), cộng với gốc và số tiền bà **N6** vay thêm 19.570.000đ thành 112.000.000đ. Do bà **N6** không có khả năng trả nên **T9** không tính lãi đối với khoản vay này và yêu cầu bà **N6** trả tiền gốc là 112.000.000đ.

Như vậy tổng số tiền gốc mà **T9** cho bà **N6** vay có tính lãi là 90.000.000đ, bà **N6** đã trả cho **T9** tổng 5.400.000đ tiền lãi, lãi suất theo quy định **T9** được hưởng là 962.849đ, đã thu lợi bất chính là **4.437.151đ**, thu lợi bất chính hướng tới **14.113.643đ**.

Hiện nay bà **N6** chưa trả số tiền gốc 90.000.000đ cho **T9**.

38. Người vay thứ 38: Bùi Thị Thân

Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 23/11/2023 (69 ngày), vay số tiền **3.000.000đ** (Ba triệu đồng). Số tiền lãi bà **T10** đã trả cho **T9** là 550.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm (61 ngày, từ ngày 15/9/2023 đến ngày 15/11/2023). Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $3.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 61 \text{ ngày} = 100.274$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $550.000 - 100.274 = \mathbf{449.726đ}$; số tiền thu lợi bất chính hướng tới (9 ngày từ ngày 15/11/2023 đến ngày bị phát hiện 23/11/2023) là: **58.849đ**.

Bà **T10** chưa trả số tiền gốc 3.000.000đ và lãi cho **T9**.

39. Người vay thứ 39: Bùi Thị T11

Vay 2 lần với tổng số tiền là **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 157.123 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **747.877đ**; số tiền thu lợi bất chính hướng tới là **7.356đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 04/9/2023 đến ngày 04/11/2023 (61 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi chị **T11** đã trả cho **T9** là 366.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 61 \text{ ngày} = 66.849$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $366.000 - 66.849 = \mathbf{299.151đ}$.

Chị **T11** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 22/9/2023 đến ngày 23/11/2023 (62 ngày), vay số tiền **3.000.000đ** (Ba triệu đồng). Số tiền lãi chị **T11** đã trả cho **T9** là 549.000đ (61 ngày từ 22/9/2023 đến 22/11/2023) tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $3.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 61 \text{ ngày} = 100.274$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $549.000 - 100.274 = \mathbf{448.726đ}$, số tiền thu lợi bất chính hướng tới (1 ngày từ 22/11/2023 đến 23/11/2023) là **7.356đ**.

Chị **T11** đã trả 2.000.000đ tiền gốc còn nợ 1.000.000đ.

40. Người vay thứ 40: Bùi Thị T12

Vay 3 lần với tổng số tiền là **31.000.000đ** (Ba mươi một triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều

468 BLDS là: **273.972đ**. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **1.226.028đ**; số tiền thu lợi bất chính hướng tới: **29.425đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/12/2022 (30 ngày), vay số tiền **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi bà **T12** đã trả cho **T9** là 1.350.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $15.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $1.350.000 - 246.575 = \mathbf{1.103.425đ}$.

Chị **T12** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 16/01/2023 đến ngày 21/01/2023 (5 ngày), vay số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi bà **T12** đã trả cho **T9** là 150.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $10.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 5 \text{ ngày} = 27.397 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $150.000 - 27.397 = \mathbf{122.603đ}$.

Chị **T12** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ ba: Từ ngày 21/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (2 ngày), vay số tiền **6.000.000đ** (Sáu triệu đồng). Số tiền lãi bà **T12** sẽ phải trả cho **T9** là 36.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $6.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 2 \text{ ngày} = 6.575 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: $36.000 - 6.575 = \mathbf{29.425đ}$.

Chị T12 chưa trả tiền gốc 6.000.000đ và lãi đối với khoản vay này.

41. Người vay thứ 41: Vũ Văn N7

Vay 4 lần với tổng số tiền là **34.000.000đ** (Ba mươi tư triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 1.136.986 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **4.957.014 đồng**; số tiền thu lợi bất chính hướng tới là **465.890đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 24/10/2022 đến ngày 24/11/2022 (31 ngày), vay số tiền **17.000.000đ** (Mười bảy triệu đồng). Số tiền lãi **N7** đã trả cho **T9** là 1.580.000đ tương ứng mức lãi suất 109,43% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,43\% : 20\% = 5,47$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $17.000.000 \times 20\% / 365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 288.767 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $1.580.000 - 288.767 = \mathbf{1.291.233đ}$.

Anh **N7** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 02/01/2023 đến ngày 13/01/2023 (11 ngày), vay số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng). Số tiền lãi **N7** đã trả cho **T9** là 330.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức

lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $10.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 11 \text{ ngày} = 60.274$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $330.000 - 60.274 = 269.726\text{đ}$.

Anh **N7** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ ba: Từ ngày 12/3/2023 đến ngày 15/4/2023 (34 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi **N7** đã trả cho **T9** là 204.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 34 \text{ ngày} = 37.260$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $204.000 - 37.260 = 166.740\text{đ}$.

Anh **N7** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ tư: Từ ngày 15/01/2023 đến ngày 23/11/2023 (312 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi **N7** đã trả cho **T9** là 3.980.000đ (274 ngày, từ 15/01/2023 đến 16/10/2023) tương ứng mức lãi suất 109,64% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,64\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 274 \text{ ngày} = 750.685$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $3.980.000 - 750.685 = 3.229.315\text{đ}$; số tiền thu lợi bất chính hướng tới (38 ngày từ 16/10/2023 đến ngày bị phát hiện 23/11/2023) là **465.890đ**.

Hiện **N7 chưa trả tiền gốc 5.000.000đ đối với khoản vay này.**

42. Người vay thứ 42: **Bùi Thị Đ1**

Vay 4 lần với tổng số tiền là **27.000.000đ** (Hai mươi bảy triệu đồng). Đã trả 16.000.000đ tiền gốc còn lại 11.000.000đ. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: 72.329 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **323.671đ**. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới: **409.493đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 09/9/2023 đến ngày 16/9/2023 (7 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi bà **Đ1** đã trả cho **T9** là 105.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 7 \text{ ngày} = 19.178$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $105.000 - 19.178 = 85.822\text{đ}$.

Bà **Đ1** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 20/9/2023 đến ngày 27/9/2023 (7 ngày), vay số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi bà **Đ1** đã trả cho **T9** là 105.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468

BLDS là: $5.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 7 \text{ ngày} = 19.178 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $105.000 - 19.178 = 85.822\text{đ}$.

Bà **D1** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ ba: Từ ngày 22/10/2023 đến ngày 23/11/2023 (32 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi bà **D1** đã trả cho **T9** là 186.000đ (31 ngày từ 22/10/2023 đến 22/11/2023) tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48\text{lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 33.973 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $186.000 - 33.973 = 152.027\text{đ}$; số tiền thu lợi bất chính hướng tới (1 ngày, từ 22/11/2023 đến ngày bị phát hiện 23/11/2023) là **4.904 đ**.

Hiện bà **D1** chưa trả tiền gốc **2.000.000đ** cho **T9**.

- Lần thứ tư: Từ ngày 12/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (11 ngày), vay số tiền **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi bà **D1** sẽ phải trả cho **T9** là 495.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $15.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 11 \text{ ngày} = 90.411 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: $495.000 - 90.411 = 404.589\text{đ}$.

Bà **D1** đã trả **6.000.000đ** tiền gốc còn nợ **9.000.000đ** và chưa thanh toán lãi khoản vay này.

43. Người vay thứ 43: **Bùi Thị N8**

Vay 2 lần với tổng số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là 32.877 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **147.123đ**. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới: **161.836đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 09/9/2023 đến ngày 09/10/2023 (30 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (Hai triệu đồng). Số tiền lãi **N8** đã trả cho **T9** là 180.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 32.877 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $180.000 - 32.877 = 147.123\text{đ}$.

Bà **N8** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ 2: Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (22 ngày), vay số tiền **3.000.000đ** (Ba triệu đồng). Số tiền lãi bà **N8** sẽ phải trả cho **T9** là 198.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48 \text{ lần}$. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $3.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày} = 36.164 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: $198.000 - 36.164 = 161.836\text{đ}$.

Bà **N8** đã trả tiền gốc đối với khoản vay này, không trả lãi.

44. Người vay thứ 44: Bùi Thị M (Chồng là **Bùi Văn D3**)

Vay 4 lần với tổng số tiền **55.300.000đ** (Năm mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là 571.616 đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **2.557.384đ. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới: 42.911đ.** Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 26/12/2022 đến ngày 23/02/2023 (59 ngày), vay số tiền **8.000.000đ** (Tám triệu đồng). Số tiền lãi bà **M** đã trả cho **T9** là 1.416.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $8.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 59 \text{ ngày} = 258.630$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $1.416.000 - 258.630 = 1.157.370\text{đ}.$

Bà **M** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 15/7/2023 đến ngày 17/8/2023 (33 ngày), vay số tiền **7.000.000đ** (Bảy triệu đồng). Số tiền lãi bà **M** đã trả cho **T9** là 693.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $7.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 33 \text{ ngày} = 126.575$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $693.000 - 126.575 = 566.425\text{đ}.$

Bà **M** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ ba: Từ ngày 19/8/2023 đến ngày 28/8/2023 (9 ngày), vay số tiền **37.800.000đ** (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền lãi bà **M** đã trả cho **T9** là 1.020.000đ tương ứng mức lãi suất 109,44% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,44\% : 20\% = 5,47$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $37.800.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 186.411$ đồng. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $1.020.000 - 186.411 = 833.589\text{đ}.$

Bà **M** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ tư: Từ ngày 16/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (07 ngày), vay số tiền **2.500.000đ** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi bà **M** sẽ phải trả cho **T9** là 52.500đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.500.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 7 \text{ ngày} = 9.589$ đồng. **Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là: $52.500 - 9.589 = 42.911\text{đ}.$**

Bà **M** đã trả tiền gốc sau ngày **T9** bị phát hiện và không trả lãi.

45. Người vay thứ 45: Bùi Thị N9

Chị **N9** vay **T9** 3 lần với tổng số tiền là **112.000.000đ** (Một trăm mười hai triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao

nhất quy định tại điều 468 BLDS là: **536.987đ**. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **2.403.013đ**. **Số tiền thu lợi bất chính hướng tới: 68.658đ**. Trong đó:

- Lần vay thứ nhất: Từ ngày 16/10/2023 đến 25/10/2023 (9 ngày), vay số tiền **106.000.000đ** (*Một trăm linh sáu triệu đồng*). Số tiền lãi **N9** đã trả cho **T9** là 2.862.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $106.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 522.740 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $2.862.000 - 522.740 = \mathbf{2.339.260đ}$.

Bà **N9** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần vay thứ 2: Từ ngày 03/11/2023 đến 16/11/2023 (13 ngày), vay số tiền **2.000.000đ** (*Hai triệu đồng*). Số tiền lãi **N9** đã trả cho **T9** là 78.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $2.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày} = 14.247 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $78.000 - 14.247 = \mathbf{63.753đ}$.

Bà **N9** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần vay thứ 3: Từ ngày 16/11/2023 đến 23/11/2023 (7 ngày), vay số tiền **4.000.000đ** (*Bốn triệu đồng*). Số tiền lãi **N9** phải trả cho **T9** là 84.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $4.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 7 \text{ ngày} = 15.342 \text{ đồng}$. **Số tiền thu lợi bất chính T9 hướng tới là: 84.000 – 15.342 = 68.658đ**.

Bà **N9** chưa trả tiền gốc **4.000.000đ** và lãi khoản vay này cho **T9**.

46. Người vay thứ 46: Bùi Thị N10

Vay 2 lần với tổng số tiền **22.000.000đ** (*Hai mươi hai triệu đồng*). Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: **32.877đ**. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: **147.123đ**. **Số tiền thu lợi bất chính hướng tới: 49.041đ**. Trong đó:

- Lần thứ nhất: Từ ngày 05/11/2023 đến ngày 10/11/2023 (05 ngày), vay số tiền **12.000.000đ** (*Mười hai triệu đồng*). Số tiền lãi **N10** đã trả cho **T9** là 180.000đ tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $12.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 5 \text{ ngày} = 32.877 \text{ đồng}$. Số tiền **T9** đã thu lợi bất chính là: $180.000 - 32.877 = \mathbf{147.123đ}$.

Bà **N10** đã trả tiền gốc cho **T9**.

- Lần thứ hai: Từ ngày 21/11/2023 đến ngày 23/11/2023 (02 ngày), vay số tiền **10.000.000đ** (*Mười triệu đồng*). Số tiền lãi bà **N10** sẽ phải trả cho **T9** là 60.000đ, tương ứng mức lãi suất 109,5% /năm. Mức lãi suất cho vay nêu trên vượt

quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong BLDS là: $109,5\% : 20\% = 5,48$ lần. Số tiền lãi hợp pháp mà **T9** sẽ được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS là: $10.000.000 \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 2 \text{ ngày} = 10.959$ đồng. **Số tiền thu lợi bất chính hưởng tới là: $60.000 - 10.959 = 49.041$ đ.**

Bà **N10** đã trả tiền gốc đối với khoản vay này sau ngày **T9** bị phát hiện, không trả lãi.

Như vậy **Trần Thị T** đã cho 46 người vay với tổng số tiền là **979.181.000đ** (Chín trăm bảy mươi chín triệu, một trăm tám mươi một nghìn đồng) trong đó đã thu được gốc là **788.181.000đ**; số tiền gốc chưa thu được là **191.000.000đ**. Số tiền lãi hợp pháp đã thu là **13.301.372Đ** (Mười ba triệu ba trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng). Số tiền nhằm thu lợi bất chính là **79.118.491đ** (Bảy mươi chín triệu, một trăm mười tám nghìn, bốn trăm chín mươi một đồng) trong đó số tiền đã thu lợi bất chính là **59.995.628Đ** (Năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng).

Ngày 23/11/2023 Cơ quan CSĐT – **Công an huyện C** nhận được đơn trình báo về việc **Trần Thị T** đã cho vay vượt quá lãi suất quy định nên đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét nơi ở của **Trần Thị T**. Quá trình khám xét đã thu giữ:

- 02 quyển sổ ghi chép của **Trần Thị T** trong quá trình cho vay tiền trong đó 01 quyển sổ có bìa màu trắng có dòng chữ PATTERNS (được đánh số từ 01 đến 173) và 01 quyển sổ không có bìa (được đánh số từ 01 đến 78).

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên **Bùi Văn M1** sinh năm 1981 và **Bùi Thị N9** sinh năm 1981, số AD 845793.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên **Bùi Văn C4** số R356526.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên **Bùi Văn D3** sinh năm 1977 và **Bùi Thị M** sinh năm 1977 số AD 845791.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên **Bùi Văn D2** sinh năm 1987 số DE 108845

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên **Trần Thị Thủy** sinh năm 1948 số BI 514759.

- 01 Chứng minh nhân dân tên **Bùi Thị T9** số 113296211.

- 01 Chứng minh nhân dân tên **Bùi Văn R** số 241965085 (bị cắt góc).

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Văn L1** số 017073004356.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị N10** số 017172001396.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Văn L2** số 017084004504.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị M2** số 017191010271

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị K2** số 017181001847.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị N5** số 017192009107.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Văn S1** số 017082003887.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị T10** số 017170006359.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị N8** số 017176001625.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị Đ1** số 017174001454.

- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị T12** số 017172001399.
- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị V2** số 017155004143.
- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị N9** số 017181008175.
- 01 Căn cước công dân tên **Bùi Thị A** số 017176001629.
- 01 sổ hộ khẩu, tên chủ hộ: **Bùi Văn M3**.
- 01 sổ hộ khẩu, tên chủ hộ: **Bùi Văn T13**
- 101 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng loại tiền **P3**
- 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng loại tiền Polime
- 83 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng loại tiền **P3**
- 06 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng loại tiền **P3**
- 06 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng loại tiền **P3**
- 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng loại tiền Polime
- 21 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng
- 110 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng
- 34 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng.

Tại Công văn số 39/TTGSNH ngày 21 tháng 3 năm 2024 của **Ngân hàng N11 chi nhánh tỉnh H** về việc xác nhận kết quả tính lãi suất và thu lợi bất chính: Xác nhận kết quả tính lãi suất và số tiền thu lợi bất chính của bà **Trần Thị T** là đúng quy định tại khoản 1, Điều 5, Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Thống đốc **Ngân hàng N11** quy định trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa cấp tín dụng với khách hàng.

Cáo trạng số 11/CT-VKSCP ngày 23/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong truy tố **Trần Thị T** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đồng thời thừa nhận hành vi đúng như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định **Trần Thị T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm (i, s) khoản 1 Điều 51; Điều 47, 48, 35 BLHS; Điều 106, 135 Bộ luật TTHS; Điều 123, 131, 468 BLDS. Về trách nhiệm hình sự: xử phạt tiền đối với **Trần Thị T** số tiền 50.000.000Đ – 60.000.000Đ. Về biện pháp tư pháp: truy thu từ bị cáo số tiền gốc đã cho vay mà bị cáo đã thu lại được của người vay; truy thu từ bị cáo số tiền lãi theo quy định pháp luật mà bị cáo đã thu được của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; truy thu từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền gốc chưa trả cho bị cáo; buộc bị cáo phải trả tiền lãi vượt quá quy định cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày 04/6/2024, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoãn phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/HPT-QĐ ngày 04/6/2024.

Phiên tòa ngày 03/7/2024, bị cáo có đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoãn phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HPT-QĐ ngày 03/7/2024.

Tại phiên tòa ngày 01/8/2024 những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ. Xét thấy quá trình điều tra đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa khẳng định: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến ngày 23/11/2023, Trần Thị T đã cho 46 người vay với lãi suất thỏa thuận 3000đ/1 triệu/ngày tương ứng với mức lãi suất 109,5% vượt quá mức lãi suất quy định là 5,48 lần. Căn cứ vào việc thực tế bị cáo đã tính lãi (tính trội hơn hoặc tính giảm đi so với lãi suất thỏa thuận) nên mức lãi suất mà T cho vay dao động từ 100,14%/năm đến 147,59%/ năm tương ứng gấp từ 5,01 lần đến 7,38 lần lãi suất quy định. Tổng số tiền bị cáo đã cho vay là **979.181.000đ** (Chín trăm bảy mươi chín triệu, một trăm tám mươi một nghìn đồng) trong đó đã thu được gốc là **788.181.000đ**; số tiền gốc chưa thu được là **191.000.000đ**. Số tiền lãi hợp pháp đã thu là **13.301.372Đ**. Số tiền nhằm thu lợi bất chính là **79.118.491đ** (Bảy mươi chín triệu, một trăm mười tám nghìn, bốn trăm chín mươi đồng) trong đó số tiền đã thu lợi bất chính là **59.995.628** (Năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm

phạm đến lợi ích tài chính của công dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên mức lãi xuất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (20%/năm) là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thu lợi bất chính. Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ xác định **Trần Thị T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong truy tố **Trần Thị T** về tội danh, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất vụ án: Bị cáo phạm tội mang tính chất ít nghiêm trọng tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù hoạt động cho vay của bị cáo không phải qua hình thức cửa hàng cầm đồ ký gửi, các khoản vay chủ yếu nhỏ lẻ, người vay để phục vụ nhu cầu chi tiêu sinh hoạt nhưng cũng đã ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, do vậy cần xử lý nghiêm để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Tình tiết tăng nặng: Không;

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt; là người cao tuổi; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm (i,s) khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hình phạt chính: Áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4.2] Hình phạt bổ sung: Không.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

[5.1] Đối với số tiền gốc **979.181.000đ** bị cáo sử dụng cho 46 cá nhân vay. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm (a) khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm (a) khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 Hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Bị cáo đã thu về số tiền gốc là **788.181.000đ** nên cần truy thu từ bị cáo số tiền trên. Số tiền gốc chưa thu được là **191.000.000đ**, hiện những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo thì cần truy thu số tiền này từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp ngân sách nhà nước.

[5.2] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay): Xác định đây là khoản tiền do phạm tội mà có, những người vay đã trả cho bị cáo nên phải bị truy thu nộp ngân sách Nhà nước quy định tại điểm (b) khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm (b) khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021. Số tiền lãi bị cáo đã thu của những người vay là **13.301.372Đ** nên truy thu từ bị cáo số tiền này.

[5.3] Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay): Các khoản vay đều nhằm phục vụ giải quyết công việc và sinh hoạt gia đình không ai sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, do vậy cần buộc bị cáo trả lại cho người vay theo quy định khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền **59.923.000đ** (Năm mươi chín triệu chín trăm hai ba nghìn đồng) tạm giữ của **Trần Thị T**, Cơ quan điều tra đã gửi kho bạc nhà nước **huyện C** đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong cần tiếp tục bảo lưu để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và Lưu hồ sơ vụ án các vật chứng gồm 02 quyển sổ đã được **T** đánh số trang và ký tên ở cuối mỗi trang.

Đối với Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu quá trình điều tra xét thấy không cần thiết phải tạm giữ nên Cơ quan CSĐT - **Công an huyện C** đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về vấn đề khác:

Quá trình điều tra xác định từ năm 2018 đến 22/11/2022, **T** đã cho nhiều người vay với lãi suất gấp nhiều lần so với lãi suất quy định nhưng tính từ thời điểm kết thúc các khoản vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan CSĐT – **Công an huyện C** không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với các khoản vay trong sổ có ghi thỏa thuận mức lãi suất 3000đ/ 1 triệu/ngày tuy nhiên không xác định được thời gian vay, thời gian trả và số tiền lãi đã trả nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với những khoản vay trong sổ có ghi thỏa thuận mức lãi suất 3000đ/1 triệu/1 ngày nhưng thực tế khi thanh toán lãi, **T** không tính đủ nên lãi suất gấp dưới 5 lần mức lãi suất quy định nên Cơ quan CSĐT – **Công an huyện C** không xem xét là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 201; điểm (i, s) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 50 BLHS;

2. Tuyên bố: **Trần Thị T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

3. Xử phạt: Phạt tiền đối với **Trần Thị T** số tiền 60.000.000Đ (Sáu mươi triệu đồng).

4. Căn cứ vào Điều 47, 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS; điểm (a, b) khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ

luật hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” ngày 20-12-2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

4.1. Tuyên truy thu nộp ngân sách Nhà nước từ **Trần Thị T** tổng số tiền **801.482.372 Đ** (*Tám trăm linh một triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng*).

4.2. Tuyên truy thu nộp ngân sách Nhà nước từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền từng người cụ thể như sau:

STT	Họ và tên người bị truy thu	Số tiền truy thu (Đồng)	Bảng chữ
01	Bùi Văn Dực	3.000.000	Ba triệu đồng
02	Bùi Văn Luận	13.000.000	Mười ba triệu đồng
03	Bùi Thị Thủy	5.000.000	Năm triệu đồng
04	Bùi Văn Sương	10.000.000	Mười triệu đồng
05	Bùi Văn Đình	9.000.000	Chín triệu đồng
06	Bùi Thị Ngân	15.000.000	Mười lăm triệu đồng
07	Bùi Duy Hành	5.000.000	Năm triệu đồng
08	Bùi Thị Oanh	11.000.000	Mười một triệu đồng
09	Bùi Thị Núi	90.000.000	Chín mươi triệu đồng
10	Bùi Thị Thân	3.000.000	Ba triệu đồng
11	Bùi Thị Tuyết	1.000.000	Một triệu đồng
12	Bùi Thị Tiệp	6.000.000	Sáu triệu đồng
13	Vũ Văn Nam	5.000.000	Năm triệu đồng
14	Bùi Thị Động	11.000.000	Mười một triệu đồng
15	Bùi Thị Niệp	4.000.000	Bốn triệu đồng

4.3. **T14** buộc **Trần Thị T** trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Số tiền (Đồng)	Bảng chữ
01	Bùi Thị Hoan	380.068	Ba trăm tám mươi nghìn không trăm sáu mươi tám đồng
02	Bùi Văn Kiều	1.103.425	Một triệu một trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng
03	Bùi Thị Nhẫn	190.034	Một trăm chín mươi nghìn không trăm ba mươi tư đồng
04	Bùi Thị Phúc	3.276.355	Ba triệu hai trăm bảy sáu nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng
05	Bùi Văn Dương	229.520	Hai trăm hai mươi chín nghìn năm trăm hai mươi đồng
06	Bùi Thị Sinh	299.151	Hai trăm chín mươi chín nghìn một trăm năm mươi một đồng
07	Bùi Thị Chính	208.425	Hai trăm linh tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng
08	Bùi Thị Phiện	71.110	Bảy mươi một nghìn một trăm mười đồng
09	Bùi Văn Chiến	2.129.110	Hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười đồng

10	Bùi Thị Toàn	438.109	Bốn trăm ba mươi tám nghìn một trăm linh chín đồng
11	Bùi Thị Đặng	380.068	Ba trăm tám mươi nghìn không trăm sáu mươi tám đồng
12	Bùi Thị Nhựt	882.740	Tám trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng
13	Bùi Thị Gái	294.247	Hai trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng
14	Bùi Văn Phóng	1.267.713	Một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm mười ba đồng
15	Bùi Văn Hệ	664.315	Sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm mười lăm đồng
16	Bùi Thị Tám	2.635.959	Hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng
17	Quách Thị Thao	235.397	Hai trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng
18	Bùi Thị Thoa	350.645	Ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng
19	Bùi Văn Linh	128.733	Một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng
20	Lò Thị Thắm	647.342	Sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng
21	Bùi Văn Liễu	2.707.068	Hai triệu bảy trăm linh bảy nghìn không trăm sáu mươi tám đồng
22	Bùi Thị Thúy	5.786.849	Năm triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng
23	Bùi Văn Nghĩa	144.932	Một trăm bốn mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng
24	Bùi Thị Chuyển	1.115.685	Một triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng
25	Bùi Thị Nấm	1.042.124	Một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn một trăm hai mươi tư đồng
26	Bùi Thị Nguyệt	2.280.411	Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười một đồng
27	Bùi Thị Ân	80.397	Tám mươi nghìn không trăm chín mươi bảy đồng
28	Bùi Văn Dực	469.726	Bốn trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng
29	Bùi Văn Luận	1.625.205	Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng
30	Bùi Thị Thủy	2.454.507	Hai triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn năm trăm linh bảy đồng
31	Bùi Văn Sượng	1.191.699	Một triệu một trăm chín mốt nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng
32	Bùi Văn Dĩnh	2.685.189	Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn một trăm tám mươi chín đồng
33	Bùi Thị Ngần	3.707.507	Ba triệu bảy trăm linh bảy nghìn năm trăm linh

			<i>bảy đồng</i>
34	Bùi Duy Hành	1.495.753	<i>Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng</i>
35	Bùi Thị Núi	4.437.151	<i>Bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn một trăm năm mươi một đồng</i>
36	Bùi Thị Thân	449.726	<i>Bốn trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng</i>
37	Bùi Thị Tuyết	747.877	<i>Bảy trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng</i>
38	Bùi Thị Tiệp	1.226.028	<i>Một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám đồng</i>
39	Vũ Văn Nam	4.957.014	<i>Bốn triệu chín trăm năm bảy nghìn không trăm mười bốn đồng</i>
40	Bùi Thị Động	323.671	<i>Ba trăm hai mươi ba nghìn</i>
41	Bùi Thị Nụ	147.123	<i>Một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng</i>
42	Bùi Thị Mòn	2.557.384	<i>Hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi tư đồng</i>
43	Bùi Thị Niệp	2.403.013	<i>Hai triệu bốn trăm linh ba nghìn không trăm mười ba đồng</i>
44	Bùi Thị Nguồn	147.123	<i>Một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng</i>

4.4. Bảo lưu số tiền **59.923.000đ** (Năm mươi chín triệu chín trăm hai ba nghìn đồng) của **Trần Thị T** hiện tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/5/2024 để đảm bảo thi hành án.

4.5. Tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án 02 quyển sổ ghi chép của **Trần Thị T** trong đó 01 quyển sổ có bìa màu trắng có dòng chữ PATTERNS (được đánh số từ 01 đến 173) và 01 quyển sổ không có bìa (được đánh số từ 01 đến 78).

5. Áp dụng: Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho **Trần Thị T**.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Áp dụng: Điều 331; 333 Bộ luật TTHS;

Tuyên: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo; cũng trong thời hạn trên, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Người bị kết án; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thùy Linh